**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **TNKQ nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ đúng – sai** | | | **TNKQ trả lời ngắn** | | | **Tự luận** | | | **Tổng** | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| 1 | **ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** | Bài 21. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch ở Việt Nam.  **Thông hiểu**  – Trình bày được vai trò, các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.  – Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.  **Vận dụng**  – Vẽ được biểu đồ, sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại và du lịch). | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 2 |
| Bài 22. Thương mại và du lịch | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |
| 2 | **ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ** | Bài 24. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  – Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thuỷ điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả), chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển.  **Vận dụng**  – Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.  – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng  **Vận dụng cao**  – Nêu được hướng phát triển của vùng. | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |
| Bài 26. Phát triển kinh tế-xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng.  – Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng. | 1 |  | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  | 1(a\*) |  | 1(b\*) | 4 | 1 | 3 |
| Bài 27. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  – Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng. | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | 1 |
| Bài 28. Phát triển kinh tê' biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  – Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển.  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng.  **Vận dụng cao**  – Nêu được định hướng phát triển kinh tế biển của vùng.  – Liên hệ phát triển kinh tế biển với quốc phòng an ninh. | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |
|  |  | Bài 30. Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng.  **Vận dụng cao**  – Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 2 |
|  |  | Bài 32. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **Nhận biết**  – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.  – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng.  **Vận dụng**  – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế.  **Vận dụng cao**  – Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. | 1 |  | 1 | 2 | 2 |  |  |  | 1 |  | 1\* |  | 3 | 3 | 2 |
| **Tổng số câu** | | |  | **12** | **2** | **8** | **3** | **5** | **4** | **3** | | | **1** | **4** | **1** | **1** | **1** | **13** |
| **Tổng số điểm** | | |  | **4** | | | **2** | | | **4** | | | **2** | **1** | **1** | **1,5** | **0,5** | **4** |
| **Tỉ lệ** | | |  | **40%** | | | **10%** | | | **40%** | | | **10%** | **10%** | **10%** | **15%** | **5%** | **40%** |